CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI
Số: 259 /CTCN-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

" V/v giải trình lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 2 năm 2021 trước soát xét so với BCTC bán niên năm 2021 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên "

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI
Mã cổ phiếu: QNW
Địa chỉ: 17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi -Tỉnh Quảng Ngãi
Mã số thuế: 4300326264
Người đại diện: ông NGUYỄN ĐĂNG ĐƠ Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 2 năm 2021 trước soát xét so với BCTC bán niên năm 2021 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		BCTC bán niên năm 2021 được soát xét	BCTC quý 2/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	BCTC bán niên năm 2021 được soát xét	BCTC quý 2/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33.643.700.951	33.643.700.951	0		33.643.700.951	33.643.700.951	0	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**33.643.700.951**	**33.643.700.951**	**0**	**0%**	**33.643.700.951**	**33.643.700.951**	**0**	**0%**
(10=01- 02)									
4. Giá vốn hàng bán	11	18.514.025.049	17.867.541.136	646.483.913	4%	18.514.025.049	17.867.541.136	646.483.913	4%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**	**15.129.675.902**	**15.776.159.815**	**(646.483.913)**	**-4%**	**15.129.675.902**	**15.776.159.815**	**(646.483.913)**	**-4%**
(20=10-11)									
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.005.929.973	1.008.009.473	(2.079.500)	0%	1.089.280.114	1.091.380.239	(2.100.125)	0%
7. Chi phí tài chính	22	311.076.484	311.076.484	0	0%	311.076.484	311.076.484	0	0%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	311.076.484	311.076.484	0		311.076.484	311.076.484	0	
8. Chi phí bán hàng	25	1.829.256.744	1.829.256.744	0	0%	1.829.256.744	1.829.256.744	0	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.082.466.953	3.132.509.662	949.957.291	30%	4.122.288.595	3.195.229.032	927.059.563	29%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	**9.912.805.694**	**11.511.326.398**	**(1.598.520.704)**	**-14%**	**9.956.334.193**	**11.531.977.794**	**(1.575.643.601)**	**-14%**
(30=20+(21-22)-(25+26)									
11. Thu nhập khác	31	178.436.216	564.565.812	(386.129.596)	-68%	178.436.216	564.565.812	(386.129.596)	-68%
12. Chi phí khác	32	89.613.576	89.372.861	240.715		89.613.576	105.624.461	(16.010.885)	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**88.822.640**	**475.192.951**	**(386.370.311)**		**88.822.640**	**458.941.351**	**(370.118.711)**	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**	**10.001.628.334**	**11.986.519.349**	**(1.984.891.015)**	**-17%**	**10.045.156.833**	**11.990.919.145**	**(1.945.762.312)**	**-16%**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.231.698.876	2.397.303.870	(165.604.994)	-7%	2.240.404.576	2.406.009.570	(165.604.994)	-7%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0		0		0		0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	**7.769.929.458**	**9.589.215.479**	**(1.819.286.021)**	**-19%**	**7.804.752.257**	**9.584.909.575**	**(1.780.157.318)**	**-19%**
(60=50-51-52)									

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI
Ký ngày: 27/8/2021 10:38:43

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		BCTC bán niên năm 2021 được soát xét	BCTC quý 2/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	BCTC bán niên năm 2021 được soát xét	BCTC quý 2/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						7.790.823.137	9.570.980.455		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						13.929.120	13.929.120		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu									
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi
- Trong khi : - giá vốn hàng bán tăng 4% và chi phí quản lý doanh nghiệp cụ thể là trích lập dự phòng tăng 30%, thu nhập khác điều chỉnh lại giảm hơn 60%.

Dẫn đến lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm 19%.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi
- Trong khi : - giá vốn hàng bán tăng 4% và chi phí quản lý doanh nghiệp cụ thể là trích lập dự phòng tăng 29%, thu nhập khác điều chỉnh lại giảm hơn 60%.

Dẫn đến lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm 19%.

Trân Trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P.Kế toán, P.HC

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đăng Đơ